TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 383/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 9 - 2019
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TC, TỈNH AG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hòa Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Trường Vũ

2. Ông Phạm Thế Phương

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Minh S là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã TC, tỉnh AG.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã TC, tỉnh AG tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Bảo Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã TC xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 139/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 397/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 420/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Số 11, Nguyễn Bá L, tổ 08, phường TL, thành phố PK, tỉnh GL (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Tổ 07, ấp LH, xã LA, thị xã TC, tỉnh AG (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 3 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn S kết hôn với nhau vào năm 2009, hôn nhân do anh chị tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND phường TL, thành phố PK, tỉnh GL theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 39, cấp ngày 24/6/2009. Cuộc sống chung của vợ chồng

có hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh S không chăm lo làm ăn, hay nhậu nhẹt, vợ chồng thường hay cãi vã với nhau, không còn chung sống với nhau khoảng 07 năm nay, do không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh S.

- Về con chung: Chị T và anh S có 01 đứa con chung tên Nguyễn Quốc D, sinh ngày 27/12/2010, hiện đang sống với chị T, khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị T xác định trong thời gian chung sống với anh S không tạo lập được tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T khai không có.

Bị đơn anh Nguyễn Văn S có hộ khẩu thường trú tại: Tổ 07, ấp LH, xã LA, thị xã TC, tỉnh AG. Anh S không có mặt tại nơi cư trú. Do đó Tòa án không ghi được lời khai của anh S, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng bằng cách niêm yết tại nơi cư trú của anh S theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng quy định tại Điều 48; Điều 203; Điều 239 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 từ giai đoạn thụ lý cho đến khi giải quyết vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham giam tố tụng từ giai đoạn thụ lý vụ án cũng như tại phiên Tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn anh Nguyễn Văn S vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, do đó căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

Về nội dung:

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quốc D, sinh ngày 27/12/2010 cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này, sau này nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn S có địa chỉ cư trú tại: Tổ 07, ấp LH, xã LA, thị xã TC, tỉnh AG thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TC theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Anh Nguyễn Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh S.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị T và anh S sống chung với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường TL, thành phố PK, tỉnh GL theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 39, cấp ngày 24/6/2009 là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống chung hòa thuận hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, chị T cho rằng anh S không chăm lo làm ăn, hay nhậu nhẹt, vợ chồng thường hay cãi vã với nhau, không còn chung sống với nhau khoảng 07 năm nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh S.

Anh S không có bản tự khai, mặc khác do anh S thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, do đó Tòa án không ghi được lời khai của anh S, qua xác minh bà Hồ Thị Đ là mẹ ruột của anh S thì được biết anh S và chị T sống chung không hạnh phúc, gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng chị T cương quyết ly hôn với S, tại phiên tòa mặc dù Hội đồng xét xử động viên chị T đoàn tụ, nhưng chị T vẫn cương quyết ly hôn, điều này cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần cho chị T ly hôn với anh S là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn S có 01 con chung tên Nguyễn Quốc D, sinh ngày 27/12/2010, hiện đang sống chung với chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*". Cháu D có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với chị T và cháu đã sinh sống với chị T ổn định, do đó Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Nguyễn Quốc D cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên nếu sau này các đương sự có yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Chị T tạo mọi điều kiện để anh S đến thăm nom, chăm sóc con không ai được cản trở anh S thực hiện quyền này.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Mặc dù chị Nguyễn Thị Thanh T khai không có tài sản chung và nợ chung, nhưng do chưa ghi được lời khai của anh Nguyễn Văn S nên không xác định được chị T và anh S có tài sản chung và nợ chung không. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung, sau này nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001858 ngày 02 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã TC, tỉnh AG.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

[1] *Về hôn nhân:* Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn S.

[2] *Về nuôi con chung*: Giao con chung tên Nguyễn Quốc D, sinh ngày 27/12/2010 cho chị Nguyễn Thị Thanh T được tiếp tục nuôi dưỡng, anh Nguyễn Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Thanh T tạo mọi điều kiện thuận lợi để anh Nguyễn Văn S đến thăm nom, chăm sóc con không ai được cản trở anh S thực hiện quyền này.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001858 ngày 02 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã TC, tỉnh AG.

[5] Chị Nguyễn Thị Thanh T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Nguyễn Văn S vắng mặt tại phiên tòa cũng có quyền kháng cáo trong thời hạn trên, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh AG;
- VKSND TX.TC;
- Chi cục THADS TX. TC;
- UBND phường TL,
thành phố PK, tỉnh GL;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hòa Bình